

TCTY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
CTY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Địa chỉ: 21 Huỳnh Thúc Kháng - Hà Nội

Điện thoại: 04.7730037 Fax: 04.7730196

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2015

I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1/ TÀI SẢN

TÀI SẢN	Ngày 31/12/2015	Ngày 31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	50.271.478.114	51.643.940.593
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.688.123.444	3.351.923.959
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	37.205.609.974	32.555.763.527
3. Hàng tồn kho	11.377.744.696	15.736.253.107
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	27.276.859.214	15.231.068.120
I. Tài sản cố định	26.776.979.311	14.441.812.408
1. Tài sản cố định hữu hình	2.244.124.840	2.334.287.920
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	24.532.854.471	12.107.524.488
II. Tài sản dài hạn khác	499.879.903	789.255.712
1. Chi phí trả trước dài hạn	499.879.903	789.255.712
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	77.548.337.328	66.875.008.713

2/ NGUỒN VỐN

NGUỒN VỐN	Ngày 31/12/2015	Ngày 31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	65.163.031.128	54.625.974.042
I. Nợ ngắn hạn	46.161.534.329	52.378.474.042
II. Nợ dài hạn	19.001.496.799	2.247.500.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.385.306.200	12.249.034.671
I. Vốn chủ sở hữu	12.385.306.200	12.249.034.671
1. Vốn góp của chủ sở hữu	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.542.301	1.542.301
3. Quỹ đầu tư phát triển	1.657.698.639	1.567.698.639
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	726.065.260	679.793.731
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (A+B)	77.548.337.328	66.875.008.713

II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24,188,190,903	24,953,105,266
2	Các khoản giảm trừ	02	99,824,992	364,592,728
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24,088,365,911	24,588,512,538
4	Giá vốn hàng bán	11	17,864,289,244	19,277,931,465
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	6,224,076,667	5,310,581,073
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21,264,241	15,089,451
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	207,964,547	258,306,516
8	Chi phí bán hàng	25	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4,956,038,163	3,615,417,447
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	1,081,338,198	1,451,946,561
11	Thu nhập khác	31	365,600,323	158,444,749
12	Chi phí khác	32	397,266,786	570,327,492
13	Lợi nhuận khác	40	(31,666,463)	(411,882,743)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1,049,671,735	1,040,063,818
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	323,606,475	360,270,087
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	726,065,260	679,793,731
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (60=50-51-52)	70	726	680

III- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	35.17% 64.83%	22.78% 77.22%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	84.03% 15.97%	81.68% 18.32%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - khả năng thanh toán hiện hành	lần lần	0.84 1.09	0.69 0.99
4	Tỷ suất lợi nhuận - ROA (Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản) - ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu)	%	0.94% 5.86%	1.02% 5.55%

Người lập biểu

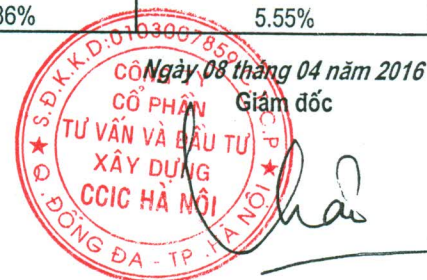
Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền



Đặng Văn Châu

Ghi chú:

- * Khả năng thanh toán nhanh = (TS ngắn hạn - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn
- * Khả năng thanh toán hiện hành = TS ngắn hạn / nợ ngắn hạn